

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301776741 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2004, thay đổi lần thứ 18 ngày 06/7/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 06/7/2020 là: 151.993.450.000 VND (Một trăm năm mươi một tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX INTERNATIONAL TRADING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: PITCO.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã PIT

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Tuyệt	Chủ tịch HĐQT
Ông Huỳnh Đức Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/4/2021)
Ông Hà Huy Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2021)
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Ông Trần Minh Huỳnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thúy Đào	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trần Thị Lan	Thành viên
Bà Trần Thị Hương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/4/2021)
Ông Mai Văn Bình	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Đức Thông	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại mục 7.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Huỳnh Đức Thông
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

Số: 149/2021/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex được lập ngày 04/10/2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ vào ngày 10/8/2020. Ngoài ra, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính vào ngày 09/3/2021.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQCN-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		213.642.402.083	172.758.163.213
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.120.646.315	578.267.518
1. Tiền	111		4.120.646.315	578.267.518
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	4.029.922.558	4.029.922.558
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.029.922.558	4.029.922.558
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.474.934.104	74.885.797.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	88.214.276.801	70.837.285.574
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.928.296.302	9.162.863.687
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	9.447.052.304	9.608.607.662
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(16.231.424.545)	(14.831.982.024)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		116.733.242	109.022.492
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	84.091.603.684	69.470.926.277
1. Hàng tồn kho	141		84.091.603.684	69.470.926.277
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		30.925.295.422	23.793.249.469
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	605.238.922	213.805.448
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.956.951.104	23.496.048.518
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	4.363.105.396	83.395.503
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		102.618.226.228	104.018.897.537
I Các khoản phải thu dài hạn	210		15.177.198.493	14.577.198.493
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	15.177.198.493	14.577.198.493
II Tài sản cố định	220		26.756.782.515	29.175.022.997
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	24.812.455.165	27.140.809.801
- Nguyên giá	222		68.174.458.016	68.174.458.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.362.002.851)	(41.033.648.215)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	1.944.327.350	2.034.213.196
- Nguyên giá	228		3.765.380.640	3.765.380.640
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.821.053.290)	(1.731.167.444)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		168.000.001	104.000.001
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	168.000.001	104.000.001
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	59.561.684.884	59.182.404.111
1. Đầu tư vào công ty con	251		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.975.000.000	7.975.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(68.413.315.116)	(68.792.595.889)
VI Tài sản dài hạn khác	260		954.560.335	980.271.935
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	954.560.335	980.271.935
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		316.260.628.311	276.777.060.750

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		192.267.210.526	155.550.298.461
I- Nợ ngắn hạn	310		189.641.002.860	152.924.090.795
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	3.144.082.564	3.350.224.373
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.765.149.249	3.418.492.959
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	327.611.251	685.439.966
4. Phải trả người lao động	314		856.052.089	1.604.167.698
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	801.596.731	157.038.619
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	796.232.130	3.270.736.956
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	180.943.943.366	140.431.654.744
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.335.480	6.335.480
II- Nợ dài hạn	330		2.626.207.666	2.626.207.666
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	2.626.207.666	2.626.207.666
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		123.993.417.785	121.226.762.289
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	123.993.417.785	121.226.762.289
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.993.450.000	151.993.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.993.450.000	151.993.450.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.574.298.106)	(18.340.953.602)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(18.340.953.602)	(19.931.655.112)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		2.766.655.496	1.590.701.510
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		316.260.628.311	276.777.060.750

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

Người lập



Trần Lê Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Quang

Tổng Giám đốc



Huỳnh Đức Thông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	381.370.800.804	184.215.207.335
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	559.549.200	2.543.783.792
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	380.811.251.604	181.671.423.543
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	347.318.871.075	161.182.821.851
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		33.492.380.529	20.488.601.692
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	2.904.628.620	2.380.884.961
7. Chi phí tài chính	22	6.6	5.299.881.685	5.036.685.459
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.921.737.414	5.040.752.413
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	17.623.191.586	7.668.766.276
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	10.061.886.673	9.530.667.701
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.412.049.205	633.367.217
11. Thu nhập khác	31	6.9	8.369.100	88.136.729
12. Chi phí khác	32	6.9	-653.762.809	152.984.667
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.9	(645.393.709)	(64.847.938)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.766.655.496	568.519.279
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.766.655.496	568.519.279

Người lập



Trần Lê Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Quang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

Tổng Giám đốc



Huỳnh Đức Thông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.766.655.496	568.519.279
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.418.240.482	2.545.736.658
- Các khoản dự phòng	03		1.020.161.748	120.163.574
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(890.721.429)	132.373.672
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(496.979.450)	(1.448.792.168)
- Chi phí lãi vay	06		4.921.737.414	5.040.752.413
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		9.739.094.261	6.958.753.428
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.269.461.665)	448.714.237
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.620.677.407)	(50.139.594.569)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		845.775.489	4.865.011.498
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(365.721.874)	(49.800.901)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.913.991.703)	(5.008.623.434)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.771.078.900)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(38.356.061.799)	(42.925.539.741)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(64.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	127.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		495.992.817	1.498.769.445
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		431.992.817	1.626.042.172
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		331.304.089.901	202.982.361.416
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(290.791.801.279)	(161.928.545.494)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.512.288.622	41.053.815.922
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.588.219.640	(245.681.647)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	578.267.518	2.047.489.418
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		954.159.157	51.803.181
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.120.646.315	1.853.610.952

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Lê Phong



Nguyễn Minh Quang



Huỳnh Đức Thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301776741 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2004, thay đổi lần thứ 18 ngày 06/7/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 06/7/2020 là: 151.993.450.000 VND (*Một trăm năm mươi một tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX INTERNATIONAL TRADING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: PITCO.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã PIT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 76 (tại ngày 31/12/2020 là 75).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc, thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn chuyên doanh vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng, mua bán hàng tiêu dùng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có Công ty con đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<i>Công ty con</i>					
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5, TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản xuất sơn, vecni và các chất sơn	100%	100	100%

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/6/2021 gồm:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp nông sản Tân Uyên	Số 577/E, tổ 5, ấp 3, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/6.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-25
Máy móc và thiết bị	03-07
Phương tiện vận tải	05-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, chứng chỉ LEED được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ/kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3-5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là chứng chỉ LEED, đây là một giấy chứng nhận tuân thủ các tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng và tạo ra một môi trường xanh mà toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới giấy chứng nhận. Chứng chỉ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Tài sản cố định vô hình khác là nhãn hiệu hàng hóa mà toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới nhãn hiệu. Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước
- Chi phí kinh doanh: là các chi phí vận chuyển và chi phí sơ chế thành phẩm được trích trước dựa trên hợp đồng và các biên bản xác nhận nhưng chưa có hóa đơn GTGT.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng trong nước và xuất khẩu (tiêu, cao su), doanh thu từ kinh doanh xăng dầu và dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, xăng dầu, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ và Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,

thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	140.144.087	205.287.770
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.980.502.228	372.979.748
Tổng	4.120.646.315	578.267.518

5.2 Đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh	4.029.922.558	5.550.384.000	-	4.029.922.558
Trong đó chủ yếu:				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Âu Lạc (14.040 cổ phiếu)	410.000.000	(i)	-	410.000.000 (i)
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (165.190 cổ phiếu)	3.619.922.558	5.550.384.000	-	3.619.922.558
Tổng	4.029.922.558	5.550.384.000	-	4.029.922.558

Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được xác định căn cứ vào giá trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) tại ngày 30/6/2021 theo giá đóng cửa là 33.600 đồng x 165.190 Cổ phiếu (Tại ngày 31/12/2020 được xác định lại theo giá đóng cửa là 29.800 đồng x 165.190 cổ phiếu).

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.2 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ (%)	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)				
		Vốn năm giữ	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào Công ty con				120.000.000.000	68.413.315.116	120.000.000.000	68.413.315.116	68.792.595.889
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex	100%	(i)	(ii)	120.000.000.000	68.413.315.116	120.000.000.000	(ii)	68.792.595.889
Đầu tư vào đơn vị khác				7.975.000.000	-	7.975.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	5,79%	225.000	(ii)	7.975.000.000	-	7.975.000.000	(ii)	-
Tổng				127.975.000.000	0	127.975.000.000	0	68.792.595.889

(i) Đây là Công ty TNHH nên không có số lượng cổ phiếu.

(ii) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần sắt thép Đông Á (i)	9.538.272.918	9.538.272.918
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Công S Tạo	7.555.951.663	7.555.951.663
Hira Industries	5.529.549.360	2.420.652.000
Asenzya INC	4.453.227.500	2.308.535.775
Aliments Medaillon Foods INC	3.818.739.216	5.606.735.332
Royal Golden General Trading LLC	13.346.985.210	-
Worlee Natural Products (Canada) INC	5.746.470.000	-
Iem Kasikit Co Ltd	5.487.248.000	-
Qingdao Yueyou International Trade Co. LTD	-	7.027.806.240
Worlee International INC	-	2.141.655.750
Các đối tượng khác	32.737.832.934	34.237.675.896
Tổng	88.214.276.801	70.837.285.574

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

59.381.960

67.033.560

(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)

(i) Công ty Cổ phần sắt thép Đông Á thực hiện thế chấp tài sản là: thửa đất tại xã Phú Hữu - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai có diện tích 2.185 m² theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 284120 được cấp bởi UBND huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ngày 23/2/2005 và thửa đất tại số F Khu nhà ở An Thới 1, phường An Thới, quận 12, TP. Hồ Chí Minh diện tích 140 m² theo hợp đồng chuyển nhượng đất số 1102/CTY-2KDN ký ngày 08/07/2002

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Nông sản Duy Tân	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản An Thái	5.332.435.316	5.332.435.316
Các đối tượng khác	795.860.986	1.030.428.371
Tổng	8.928.296.302	9.162.863.687

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Phải thu khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	9.447.052.304	799.436.138	9.608.607.662	799.436.138
Tạm ứng	4.829.500.727	-	4.855.455.812	-
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (*)	3.167.963.290	-	3.296.246.780	-
Công ty TNHH MTV Gia vị Hương Việt - phạt vi phạm hợp đồng	447.520.000	447.520.000	447.520.000	447.520.000
Công ty Cổ phần Thép mới - lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	331.235.902	331.235.902	331.235.902
Ký quỹ ký cược	14.715.000	-	14.715.000	-
Phải thu khác	656.117.385	20.680.236	663.434.168	20.680.236
b) Dài hạn	15.177.198.493	-	14.577.198.493	-
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (*)	13.817.198.493	-	13.817.198.493	-
Ký quỹ ký cược	1.360.000.000	-	760.000.000	-
Tổng	24.624.250.797	799.436.138	24.185.806.155	799.436.138

Trong đó:

Phải thu khác là các bên liên quan

(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)

16.985.161.783

17.113.445.273

(*) Khoản phải thu khác trình bày số tiền gốc và lãi của khoản vay dài hạn mà Công ty đã trả hộ cho Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Công ty con). Công ty đã cam kết không thu hồi lại khoản tiền này trong khoảng thời gian 5 năm kể từ ngày thanh toán theo Công văn số 75/CV-TGD ngày 31/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,

thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Trong đó:

Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á (i)

Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Công S Tạo

Công ty TNHH Khoáng sản An Thái

Công ty Cổ phần Thép Mới (i)

Công ty TNHH Đông Á (i)

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Diễm Thành

Các đối tượng khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	34.752.119.047	18.520.694.502	34.757.243.561	19.925.261.537
	9.538.272.918	9.538.272.918	9.538.272.918	9.538.272.918
	7.555.951.663	1.945.539.960	7.555.951.663	3.045.001.483
	5.332.435.316	-	5.332.435.316	-
	2.360.286.431	2.029.050.529	2.360.286.431	2.029.050.529
	960.621.809	960.621.809	960.621.809	960.621.809
	696.400.000	-	696.400.000	-
	8.308.150.910	4.047.209.286	8.313.275.424	4.352.314.798

(i) Các khoản phải thu này được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và nhận thấy giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo cao hơn giá trị các khoản phải thu này. Theo đó, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu nêu trên.

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	77.090.511.303	-	60.812.985.053	-
Công cụ, dụng cụ	14.400.000	-	24.463.200	-
Thành phẩm	2.991.766.232	-	2.271.348.125	-
Hàng hóa	594.326.149	-	88.977.899	-
Hàng gửi bán	3.400.600.000	-	6.273.152.000	-
Tổng	84.091.603.684	-	69.470.926.277	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,

thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	605.238.922	213.805.448
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	106.618.134	84.243.493
Chi phí trả trước chờ phân bổ	498.620.788	129.561.955
b) Dài hạn	954.560.335	980.271.935
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	418.217.417	430.848.670
Chi phí trả trước chờ phân bổ	536.342.918	549.423.265
Tổng	1.559.799.257	1.194.077.383

5.9 Thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số phải nộp		Số đã nộp		Đơn vị tính: VND
	01/01/2021	trong kỳ	trong kỳ	30/6/2021	
Phải nộp	685.439.966	1.751.073.165	2.108.901.880	327.611.251	
Thuế GTGT đầu ra	183.203.016	1.613.752.905	1.472.464.140	324.491.781	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	59.974.245	59.974.245	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	68.191.200	68.191.200	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	502.091.465	-	502.091.465	-	
Thuế thu nhập cá nhân	145.485	9.154.815	6.180.830	3.119.470	
Phải thu	83.395.503	196.218.238	4.475.928.131	4.363.105.396	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu do nộp thừa	-	-	4.268.987.435	4.268.987.435	
Thuế thu nhập cá nhân phải thu nộp thừa	83.395.503	196.218.238	206.940.696	94.117.961	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	33.050.111.163	30.065.259.390	2.291.193.958	2.767.893.505	68.174.458.016
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	33.050.111.163	30.065.259.390	2.291.193.958	2.767.893.505	68.174.458.016
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	17.572.168.327	20.340.415.742	1.864.366.315	1.256.697.831	41.033.648.215
Tăng trong kỳ	678.817.206	1.396.592.484	77.938.944	175.006.002	2.328.354.636
Khấu hao trong kỳ	678.817.206	1.396.592.484	77.938.944	175.006.002	2.328.354.636
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	18.250.985.533	21.737.008.226	1.942.305.259	1.431.703.833	43.362.002.851
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	15.477.942.836	9.724.843.648	426.827.643	1.511.195.674	27.140.809.801
Tại ngày 30/6/2021	14.799.125.630	8.328.251.164	348.888.699	1.336.189.672	24.812.455.165

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 30/6/2021 là 14.761.045.631 VND (tại 31/12/2020 là 15.439.862.832 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vẫn còn sử dụng với giá trị tại 30/6/2021 là 19.500.168.807 VND (tại ngày 31/12/2020 là 19.500.168.807 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.205.192.140	1.606.673.500	953.515.000	3.765.380.640
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2021	<u>1.205.192.140</u>	<u>1.606.673.500</u>	<u>953.515.000</u>	<u>3.765.380.640</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	-	1.542.985.154	188.182.290	1.731.167.444
Tăng trong kỳ	-	63.688.346	26.197.500	89.885.846
Khấu hao trong kỳ	-	63.688.346	26.197.500	89.885.846
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2021	-	<u>1.606.673.500</u>	<u>214.379.790</u>	<u>1.821.053.290</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	<u>1.205.192.140</u>	<u>63.688.346</u>	<u>765.332.710</u>	<u>2.034.213.196</u>
Tại ngày 30/06/2021	<u>1.205.192.140</u>	-	<u>739.135.210</u>	<u>1.944.327.350</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 30/6/2021 là 1.205.192.140 VND (tại 31/12/2020 là 1.205.192.140 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại 30/6/2021 là 1.606.673.500 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.033.478.500 VND)

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Phần mềm Giải pháp Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	168.000.001	104.000.001
Tổng	<u>168.000.001</u>	<u>104.000.001</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Phát Lộc	814.686.098	814.686.098	348.868.673	348.868.673
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	199.679.128	199.679.128	392.767.672	392.767.672
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	775.643.000	775.643.000	-	-
Các đối tượng còn lại	1.354.074.338	1.354.074.338	2.608.588.028	2.608.588.028
Tổng	3.144.082.564	3.144.082.564	3.350.224.373	3.350.224.373

Trong đó:

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan
(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)

850.780.802

850.780.802

124.512.825

124.512.825

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí trích trước lãi vay	134.864.330	127.118.619
Chi phí kinh doanh trích trước	666.732.401	29.920.000
Tổng	801.596.731	157.038.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Phải trả khác

	<u>30/6/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	796.232.130	3.270.736.956
Tài sản thừa chờ giải quyết	31.488.980	31.488.980
Kinh phí công đoàn	197.204.481	219.108.581
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	493.929.819	493.929.819
Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.608.850	2.526.209.576
b) Dài hạn	2.626.207.666	2.626.207.666
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.458.140.535	2.458.140.535
Các khoản phải trả, phải nộp khác	168.067.131	168.067.131
Tổng	3.422.439.796	5.896.944.622

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		Trong kỳ		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (i)	176.087.501.622	176.087.501.622	315.197.648.157	279.541.801.279	140.431.654.744
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (ii)	4.856.441.744	4.856.441.744	16.106.441.744	11.250.000.000	-
Tổng	180.943.943.366	180.943.943.366	331.304.089.901	290.791.801.279	140.431.654.744

(i) Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex**Hợp đồng tín dụng số 441.0063/2021/HĐTĐHM-DN/PGBank.SG ký ngày 22/4/2021**

Mục đích vay
Thời hạn vay
Lãi suất vay

Bổ sung vốn lưu động.
Không quá 03 - 06 tháng theo từng kế ước nhận nợ
Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời điểm và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Hình thức đảm bảo tiền vay

là Bất động sản thuộc sở hữu đất số 98, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại Xã Hội Nghĩa, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Thông qua Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sổ phát hành: BE 300577 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT00420 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/10/2011 với tổng giá trị tài sản là 70.671.000.000 VND

Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2021

176.087.501.622 VND

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình**Hợp đồng tín dụng số 508/2021/HĐTĐ ký ngày 14/4/2021**

Mục đích vay
Thời hạn vay
Lãi suất vay
Hình thức đảm bảo tiền vay
Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2021

Bổ sung vốn lưu động.
Không quá 03 - 06 tháng theo từng kế ước nhận nợ
Được xác định theo số dư nợ gốc thực tế giảm dần và mức lãi suất cho vay được quy định theo Giấy nhận nợ/ Kế ước nợ.
Không có tài sản đảm bảo
4.856.441.744 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(19.931.655.112)	119.636.060.779
Tăng trong năm	-	-	1.590.701.510	1.590.701.510
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	1.590.701.510	1.590.701.510
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(18.340.953.602)	121.226.762.289
Số dư tại 01/01/2021	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(18.340.953.602)	121.226.762.289
Tăng trong kỳ	-	-	2.766.655.496	2.766.655.496
Lãi kinh doanh trong kỳ	-	-	2.766.655.496	2.766.655.496
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư ngày tại 30/6/2021	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(15.574.298.106)	123.993.417.785

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	52,67%	8.005.611	80.056.110.000	52,67%	8.005.611	80.056.110.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	47,33%	7.193.734	71.937.340.000	47,33%	7.193.734	71.937.340.000
Tổng	100%	15.199.345	151.993.450.000	100%	15.199.345	151.993.450.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	151.993.450.000	151.993.450.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	151.993.450.000	151.993.450.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/6/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.199.345	15.199.345
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.210.225	14.210.225
Cổ phiếu phổ thông	14.210.225	14.210.225
Số lượng cổ phiếu được mua lại	989.120	989.120
Cổ phiếu phổ thông	989.120	989.120
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.210.225	14.210.225
Cổ phiếu phổ thông	14.210.225	14.210.225
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng nội địa	48.527.861.730	40.696.754.233
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	332.722.939.074	143.398.453.102
Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.000.000	120.000.000
Tổng	381.370.800.804	184.215.207.335
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	122.743.200	136.438.200

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	559.549.200	2.543.783.792
Tổng	559.549.200	2.543.783.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	380.811.251.604	181.671.423.543
Tổng	380.811.251.604	181.671.423.543

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hàng bán nội địa	40.730.135.380	37.117.786.355
Giá vốn hàng bán xuất khẩu	306.588.735.695	124.830.224.417
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(765.188.921)
Tổng	347.318.871.075	161.182.821.851

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.063.450	1.491.203
Cổ tức, lợi nhuận được chia	495.916.000	412.975.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.681.932.660	882.115.516
Lãi trả chậm	725.716.510	1.084.303.242
Tổng	2.904.628.620	2.380.884.961

Trong đó:

*Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan
(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)*

725.716.510

1.084.303.242

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	4.921.737.414	5.040.752.413
Lỗ chênh lệch tỷ giá	757.425.044	-616.770.883
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính vào đơn vị khác	(379.280.773)	(620.837.837)
Tổng	5.299.881.685	5.036.685.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.7 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.697.104.935	1.616.650.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.904.403	6.300.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.901.514	9.219.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.906.280.734	6.036.596.580
Tổng	17.623.191.586	7.668.766.276

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.211.957.274	4.585.782.986
Chi phí đồ dùng văn phòng	412.347.740	300.812.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.200.575.038	1.342.171.868
Thuế, phí và lệ phí	28.931.436	55.143.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.808.632.664	1.740.565.843
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.399.442.521	1.506.190.332
Tổng	10.061.886.673	9.530.667.701

6.9 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	-	87.208.845
Các khoản khác	8.369.100	927.884
Tổng	8.369.100	88.136.729
<i>Chi phí khác</i>		
Phạt chậm nộp thuế	651.252.270	-
Thanh lý tài sản cố định	-	49.977.277
Các khoản khác	2.510.539	103.007.390
Tổng	653.762.809	152.984.667
Thu nhập khác/ Chi phí khác (thuần)	(645.393.709)	64.847.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.069.281.525	1.338.105.856
Chi phí nhân công	9.194.909.658	8.623.852.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.418.240.482	2.545.736.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.383.154.669	8.378.756.872
Chi phí khác bằng tiền	1.576.053.088	1.561.334.083
Tổng	33.641.639.422	22.447.786.446

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.766.655.496	568.519.279
Điều chỉnh tăng	651.252.270	-
Chi phí không được trừ	651.252.270	-
Điều chỉnh giảm	3.417.907.766	568.519.279
Thu nhập từ nhận cổ tức	495.916.000	412.975.000
Lỗ được chuyển của các năm trước	2.921.991.766	155.544.279
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 20/6/2021, theo Chỉ thị 10/CT-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và các văn bản bổ sung, địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu áp dụng giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, tạm dừng các hoạt động không thiết yếu, thực hiện 03 tại chỗ tại văn phòng, cơ quan hoặc đảm bảo thực hiện được phương châm "1 cung đường - 2 địa điểm". Đến nay tại TP. Hồ Chí Minh dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Trần Đình Tuyết	Chủ tịch HĐQT	284.022.500	92.867.000
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	81.200.000
Ông Hà Huy Thắng	Thành viên	242.731.100	273.852.000
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên	50.186.000	81.840.000
Ông Trần Minh Huỳnh	Thành viên	63.386.000	75.440.000
Tổng		640.325.600	605.199.000

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Bà Lê Thúy Đào	Trưởng ban	230.112.000	231.600.000
Bà Trần Thị Lan	Thành viên	28.573.000	10.336.000
Tổng		258.685.000	241.936.000

Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Huỳnh Đức Thông	Tổng Giám đốc	281.595.300	231.912.000
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc	146.920.800	208.640.000
Ông Văn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	229.783.800	217.712.000
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	215.698.800	275.365.000
Ông Nguyễn Minh Quang	Kế toán trưởng	191.681.700	172.000.000
Tổng		1.065.680.400	1.105.629.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
Mua hàng			6.634.774.302	4.331.268.550
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	Mua hàng hóa	8.104.400	27.148.550
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Công ty cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ bảo hiểm	105.990.816	-
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	4.304.120.000
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	6.520.679.086	-
Bán hàng			886.514.510	1.220.741.442
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	Cho thuê văn phòng	120.000.000	120.000.000
		Lãi trả chậm	725.716.510	1.084.303.242
		Bán hàng hóa	2.743.200	16.438.200
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex		Bán hàng hóa	38.054.800	-

c. Số dư phải thu và phải trả các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	59.381.960	67.033.560
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	Phải thu ngắn hạn khác	3.167.963.290	3.296.246.780
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	Phải thu dài hạn khác	13.817.198.493	13.817.198.493
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Công ty cùng Tập đoàn	Phải trả người bán ngắn hạn	10.656.702	26.963.245
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH	Công ty cùng Tập đoàn	Phải trả người bán ngắn hạn	840.124.100	97.549.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

Người lập

Trần Lê Phong

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Quang

Tổng Giám đốc



Huỳnh Đức Thông